

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 08-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2021/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Anh T, sinh ngày 19/6/1992; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi nơi cư trú: Tổ dân phố Chùa, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Bố đẻ: Phạm Văn Thử, sinh năm 1965; Mẹ đẻ: Thân Thị Kim Dung, sinh năm 1970; Điều trú tại: Tổ dân phố Chùa, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Vợ, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 105/2012/HSST ngày 09/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt Phạm Anh T 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2012 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2013, chấp hành xong án phí và tiền phạt bổ sung vào ngày 24/7/2012); Tiền án: Tại Bản án số 53/2019/HSST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt Phạm Anh T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2020, chấp hành xong án phí vào ngày 10/01/2020); Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ngoài, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Dương Ngọc T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Quang, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

***Người làm chứng:** Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chùa, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 31/12/2020 bị cáo T đi bộ một mình đến địa phận xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với mục đích xem gia đình nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng hơn 02 giờ cùng ngày T đi đến địa phận thôn Ngoài, xã Cao Xá; T phát hiện gia đình chị Nguyễn Thị H không đóng cổng nên T mở cổng đi vào thì phát hiện ở sân có để 01 xe mô tô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98H1- 004.39, trên xe mô tô có 01 chiếc giá để hàng bằng kim loại màu nâu và 01 thùng xốp màu trắng, ngoài viền dán băng dính màu vàng. T vào trong sân, bỏ giày màu xám đen, nhãn hiệu ANTA đi ở chân của mình ra tại sân nhà chị H để không phát ra tiếng động, nhằm tránh sự phát hiện của chủ nhà và đi vào gần cửa chính phòng khách thì phát hiện cửa chính có cài then bên trong. Lúc này, T dùng tay kéo cửa ra để lộ phần then cài bên trong và dùng tay phải sử dụng đoạn dây kim loại nhặt được ở bên phải cửa chính đẩy then cửa sang bên trái, mở cửa và đi vào trong nhà, rồi rút đoạn dây kim loại tại cửa. Tại phòng khách, T quan sát thấy chị H đang nằm ngủ trên giường, T lại gần và lấy đi 01 điện thoại Samsung J5 màu trắng (không lắp số sim) và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh đen loại màn hình đen trắng, có lắp sim số 0334.300.726 ở đầu giường hướng ra giữa phòng khách. T tiếp tục đi đến gần kệ để ti vi, dùng tay phải mở cánh cửa kính bên phải của tủ kệ tivi và lấy ra một chiếc ví màu đen, T mở ví và lấy đi hết số tiền bên trong ví rồi để ví vào trong tủ. Sau đó, T có kiểm tra 01 túi đeo chéo màu đen để ở trên giường bên phải phòng khách theo hướng nhìn từ ngoài vào nhưng thấy bên trong không có tài sản gì nên T không lấy và để túi lại. Sau khi trộm cắp được tiền và điện thoại của chị H, T mang theo tiền và điện thoại vừa trộm cắp được đi ra ngoài sân. Khi đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98H1-004.39 để ở sân, T sử dụng hai tay giữ ghi đông bên trái và dùng chân phải đạp vào yên sau xe, sau đó dùng lực đẩy mạnh để phá khóa cổ xe, sau đó T dùng chiếc tô vít nhặt được ở bếp của gia đình nhà chị H tháo hộp đèn trước của xe, rút dây cắm điện bên trong, sau đó T để lại chiếc tô vít ở sân, lên xe mô tô đạp nổ máy và điều khiển xe bỏ đi khỏi nhà chị H đến địa phận Nghĩa trang xã Liên S thuộc thôn Chung, xã Liên S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tại đây T bỏ tiền vừa trộm cắp được ra đếm được 5.000.000 đồng. Còn chiếc sim điện thoại số 0334.300.726 trên đường điều khiển xe mô tô trộm cắp được T đã tháo chiếc sim này vứt đi để tránh sự phát hiện của chị H (T không xác định được vứt chiếc sim điện thoại này ở vị trí nào).

Khoảng 07 giờ cùng ngày 31/12/2020, T gặp bạn là Đoàn Văn S và nhờ S bán cho T chiếc điện thoại Samsung J5 màu trắng, sau đó S mang chiếc điện thoại đi bán tại cửa hàng điện thoại Dương T do anh Dương Ngọc T làm chủ được 500.000 đồng, sau đó S đưa 500.000 đồng cho T. Số tiền 5.000.000 đồng trộm cắp được tại nhà chị H và số tiền 500.000 đồng bán điện thoại có được T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 31/12/2020, chị Nguyễn Thị H gửi đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên trình báo về việc gia đình chị bị trộm cắp tài sản.

Nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật ngày 31/12/2020, bị cáo T đã đến Công an huyện Tân Yên đầu thú về hành vi “Trộm cắp tài sản” đã thực hiện ngày 31/12/2020. Quá trình đầu thú bị cáo T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98H1-004.39; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh đen loại màn hình đen trắng; 01 chiếc giá để hàng bằng kim loại màu nâu và 01 thùng xốp màu trắng, ngoài viền dán băng dính màu vàng.

Ngày 31/12/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên xác định hiện trường. Quá trình xác định hiện trường Cơ quan điều tra thu giữ tại sân nhà chị Nguyễn Thị H 01 đôi giày giầy màu xám đen, nhãn hiệu ANTA; thu tại tủ kệ đựng ti vi nhà ở của chị H 01 ví da màu đen, một mặt có gắn kim loại, có các ký tự LAGOM.

Căn cứ lời khai của bị cáo T, ngày 03/01/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên tiến hành thu giữ tại quán điện thoại Dương T do anh Dương Ngọc T làm chủ 01 điện thoại Samsung J5 màu trắng.

Ngày 06/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Tân Yên có yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên định giá các tài sản mà T đã trộm cắp của gia đình chị H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 07/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên định giá:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, máy cũ đã qua sử dụng có giá: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ máy màu xanh đen, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng có giá: 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) chiếc giá thò hàng bằng kim loại (sắt) có trọng lượng 13,8kg, cũ đã qua sử dụng có giá: 69.000 đồng (Sáu mươi chín nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) thùng xốp màu trắng, viền có dán băng dính màu vàng, có kích thước (40x45x60)cm, cũ đã qua sử dụng có giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu S nâu, biển kiểm soát 98H1- 004.39, cũ đã qua sử dụng trị giá: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

- 01 (một) chiếc sim điện thoại Viettel số 0334.300.726 trị giá: 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản: 20.479.000 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 11/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Anh T và đề nghị Hội đồng xét xử xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T từ 24 tháng tù đến 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng.

Về vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai nhận về T bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, người làm chứng anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng

thu giữ và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Yên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 02 giờ 00 phút ngày 31/12/2020, tại gia đình nhà chị Nguyễn Thị H. Bị cáo T đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, máy cũ đã qua sử dụng trị giá 300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 có lắp sim số 0334.300.726, vỏ máy màu xanh đen, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng trị giá 100.000 đồng; 01 chiếc giá thò hàng bằng kim loại (sắt) có trọng lượng 13,8kg, cũ đã qua sử dụng trị giá 69.000 đồng; 01 thùng xốp màu trắng, viền có dán băng dính màu vàng, có kích thước (40x45x60)cm, cũ đã qua sử dụng trị giá 10.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu S nâu, biển kiểm soát 98H1- 004.39, cũ đã qua sử dụng trị giá 20.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng của gia đình chị Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T trộm cắp của gia đình nhà chị H là 25.479.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn).

Với hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại chị H, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội ngày 01/01/2021 bị cáo đã đến Công an huyện Tân Yên đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm, bị cáo chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời

hạn để cách ly bị cáo với xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền, tuy nhiên xét thấy bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và truy tố chị H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T nhất trí bồi thường cho chị H số tiền trên. Xét thấy đây là số tiền mà bị cáo đã trộm cắp của bị hại là chị H, nay chị H có yêu cầu nên Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho chị H.

[8] Về vật chứng của vụ án:

- Quá trình điều tra xác định 01 đôi giày màu xám đen, nhãn hiệu ANTA là giày của bị cáo T để lại tại nhà chị H sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy đôi giày là vật dụng cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị xin lại, xét thấy đôi giày có giá trị sử dụng thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với đoạn dây kim loại mà bị cáo T khai nhận dùng để mở cửa vào nhà chị H để lại cửa nhà và chiếc tô vít mà bị cáo khai nhận dùng để tháo hộp đèn trước của xe T để lại sân nhà chị H; Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm các vật chứng này tại xung quanh khu vực nhà chị H nhưng không tìm được nên không thu hồi được các vật chứng. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 chiếc sim điện thoại Viettel số 0334.300.726 trên đường điều khiển xe mô tô trộm cắp được T đã tháo chiếc sim này vứt đi nhưng T không xác định được vứt chiếc sim điện thoại này ở vị trí nào nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc sim điện thoại này. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 ví da màu đen, một mặt có gắn kim loại, có các ký tự LAGOM; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ máy màu xanh đen, màn hình đen trắng, máy cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc giá thò hàng bằng kim loại (sắt) có trọng lượng 13,8kg, cũ đã qua sử dụng; 01 thùng xốp màu trắng, viền có dán băng dính màu vàng, có kích thước (40x45x60)cm, cũ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu S nâu, biển kiểm soát 98H1- 004.39, cũ đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định đây là những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình chị Nguyễn Thị H nên ngày 12/01/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Yên đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các tài sản trên cho chị H và chị H không có yêu cầu gì đối với các tài sản này. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Đối với anh Đoàn Văn S là người bị cáo T nhờ bán hộ điện thoại và anh Dương Ngọc T là người mua điện thoại của anh S với số tiền 500.000 đồng nhưng khi anh S bán hộ điện thoại và khi anh T mua điện thoại, anh S và anh T không biết chiếc điện thoại này là tài sản do T trộm cắp mà có nên anh S, anh T không vi phạm pháp luật. Nay anh Dương Ngọc T không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Khoản 1 Điều 292; Điều 293; Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Xử:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/01/2021.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Anh T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi giày màu xám có chữ ANTA.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm Giang Nguyễn Quốc Sửu

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ vắng mặt;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

